TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313 /2018/HNGĐ
Ngày 12/ 11/ 2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Thủy
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
2. Ông Lò Văn Thương

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXX-ST ngày 05/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H (Lò Thị H1), sinh năm 1983 (có mặt).
Trú tại: Đội 13 (Bản C), xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lò Văn H2, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Trú tại: Đội 13 (Bản C), xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/07/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị H (Lò Thị H1), nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn H2 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 19/12/2002, kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi

kết hôn đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H2 nghiện chất ma túy, mặc dù đã được hai bên gia đình động viên anh H2 cai nghiện ma túy, nhưng anh H2 không cai được, đến năm 2009 tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, tình cảm của tôi đối với anh H2 không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H2.

2. Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Lò Văn L, sinh ngày 30/03/2002, vợ chồng ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi con, không đề nghị anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Nợ phải trả: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Nợ lấy về: Không có; Diện tích ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 15/8/2018 và trong quá trình giải quyết anh Lò Văn H2 (bị đơn) trình bày nh- sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô H (H1) kết hôn ngày 19/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T huyện Điện Biên, chúng tôi kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi nghiện ma túy, nên đến năm 2009 vợ tôi đã bỏ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng tôi sống ly thân từ năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, cô H (H1) nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, tôi nhất trí không có ý kiến gì

2. Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Lò Văn L, sinh ngày 30/03/2002, vợ chồng ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi con, không đề nghị cô H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ phải trả: Không có: Nợ lấy về: Không có; Diện tích ruộng, nương: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 16/8/2018, chính quyền địa phương xã T huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Chị Lò Thị H (H1) và anh Lò Văn H2 trong quá trình chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H2 nghiện chất ma túy, Thôn bản đã tổ chức hòa giải 01 lần và động viên anh H2 đi cai nghiện ma túy, nhưng vẫn không thay đổi được. Năm 2009 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân được 09 năm. Chị H và anh H2 có 01 con chung là cháu Lò Văn Long, sinh ngày 30/03/2002, cháu Long hiện đang sống cùng mẹ đẻ tại nhà ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị H), anh H2 do nghiện chất ma túy nên thường xuyên vắng nhà, điều kiện chăm sóc cháu L còn hạn chế. Do vậy để xem xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển về mọi mặt của cháu Long, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xem xét

giải quyết giao cháu L cho ai chăm sóc nuôi dưỡng cho hợp lý và tốt nhất theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân huyện Điện Biên thụ lý đúng thẩm quyền theo đúng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ pháp luật có tranh chấp theo Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 76, 78, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Lò Văn Hoàn tiếp tục không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị H được ly hôn với anh H2

- Về con chung: Căn cứ Điều 69, 81 luật hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Tòa án giao cháu Lò Văn L, sinh ngày 30/3/2002 cho chị H chăm sóc. Chị H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo. Chị H (H1) được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" giữa chị Lò Thị H (Lò Thị H1) và anh Lò Văn H2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lò Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân**:** Quan hệ hôn nhân giữa chị H (H1) và anh H2 được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H (H1) và anh H2 là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh H2 sử dụng chất ma túy, mặc dù đã được gia đình hai bên động viên đi cai nghiện ma túy, nhưng không cai được, xuất phát từ nguyên nhân đó dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị H và anh H2 đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay; Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, anh H2 cũng đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì; Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị H (H1).

[3].Về con chung: Chị H (H1) và anh H2 có 01 con chung là: Lò Văn L, sinh ngày 30/3/2002. Chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh H2 cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu L và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Tại bản tự khai ngày 15/08/2018 của cháu Lò Văn L đã khai và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. HĐXX xét thấy anh H2 là người nghiện ma túy, thường xuyên vắng nhà nếu cháu Long sống cùng anh H2 trong môi trường như vậy sẽ ảnh hưởng xấu đến cuộc sống, đến sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do vậy nguyện vọng của chị H (H1), cháu L là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H và nguyện vọng của cháu L giao cháu L cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi sống bản thân. Chị H không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H2. Nguyện vọng xin được nuôi cháu L của anh H2 không được Hội đồng xét xử chấp nhận, lý do anh H2 không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh H2 có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[4].Về quan hệ tài sản**:** Chị H (H1) và anh H2 đều khai Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có; Diện tích ruộng, nương: Không có. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về án phí: Chị Lò Thị H (H1) là dân tộc thiểu số cư trú tại thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ và chị H có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm. Căn cứ Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo. Chị Lò Thị H (H1) được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Các Điều 51, 55; 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Tuyên xử: Cho chị Lò Thị H (H1) được ly hôn với anh Lò Văn H2

2. Về con chung: Chị Lò Thị H (H1) được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Văn L, sinh ngày 30/03/2002 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H (H1) về việc không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã

Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo. Chị H (H1) được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/11/2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh
- VKSND huyện ĐB
- Chi cục T.H.A DS huyện ĐB
- Các đương sự
- UBND xã T
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nguyễn Quang Khải	**Vũ Thị Thanh Thủy**	